

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày: 12 – 02 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 12/02/2020, tại Quảng trường phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Võ Thanh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định (trước đây cư trú tại tổ 8, tổ 9, khóm V, phường C, thành phố Đ, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; con ông Võ Thanh SN, sinh năm 1956 và bà Trần Thị HI, sinh năm 1954; sống chung như vợ chồng với Trịnh Văn Đ (bị cáo cùng vụ án);

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 18/12/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc kết án 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 07/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc kết án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 21/6/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc kết án 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bản án đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2019 cho đến nay.

2. Trịnh Văn Đ, sinh năm 1995, nơi cư trú: tổ 4, ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn:

không biết chữ; con ông Trịnh Văn Dung (đã chết) và bà Trần Thị Đất sinh năm 1964.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/12/2019 cho đến nay.

Bị hại: Ông Lê Văn L, sinh năm 1983, nơi cư trú: tổ 18, khóm V, phường C, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Võ Thanh TT, sinh năm 1997; nơi cư trú: tổ 08, khóm V, phường C, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

2. Trương Văn VL, sinh năm 1966, nơi cư trú: Số 21, khóm 10, phường C, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Phương PT, sinh năm 1988;

2. Nguyễn Thị Hoàng HM;

3. Trần Thị TK, sinh năm 1952;

4. Đào Thanh TS, sinh năm 1984;

Các bị cáo; bà TT; bà PT; bà HM và bà TK có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông VL) và người làm chứng TS vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 26/12/2019 Võ Thanh T và Trịnh Văn Đ (sống như vợ chồng, cùng nghiện ma túy và không có nơi cư trú ổn định) cần tiền sử dụng ma túy, nên rủ nhau đến khu vực khóm 8, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tìm cách dẫn dụ nam mua dâm để chiếm đoạt tài sản. T, Đ nhìn thấy Lê Văn L đi xe đạp ngang qua khu vực khóm 8 trên tay có đeo nhẫn vàng nên tìm cách tiếp cận. T hỏi L có nhu cầu mua dâm, T dẫn L vào đoạn đường vắng. Đ ngồi trên xe mô tô biển số 67G1 – 530.31 đang dựng gần đó quan sát khi cần sẽ tham gia cùng T. Khoảng 15 phút sau, Đ nghe T la lên mua dâm không trả tiền. Đ điều khiển xe mô tô đến cầm dao Thái Lan đe dọa kêu L tháo đưa chiếc nhẫn trả tiền mua dâm. L không đồng ý, Đ cầm dao đâm trúng đùi trái, tay trái, cùng lúc T nhặt viên gạch lát ở vỉa hè đánh vào đầu L gây thương tích. T, Đ đè L xuống đường tháo lấy nhẫn vàng, bỏ đi. Sáng ngày 27/12/2019, T nhờ em ruột Võ Thanh TT đem chiếc nhẫn 1 chỉ 5 phân vàng 24K chiếm đoạt của L đến tiệm vàng Trương Liêm bán được 6.322.000 đồng, T lấy 700.000 đồng trả nợ cho TT còn lại T, Đ mua ma túy sử dụng, tiêu xài.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 390/19/TgT ngày 31/12/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang kết luận tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Lê Văn L là 04%.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐG ngày 08/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự xác định 01 nhẫn vàng 24 kara, kiểu trơn, trọng lượng 1,5 chỉ, trị giá 6.322.500 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo Võ Thanh **T**, Trịnh Văn **Đ** về hành vi cướp tài sản.

Cáo trạng số 03/VKS-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Võ Thanh **T** về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trịnh Văn **Đ** về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận do cần tiền mua ma túy sử dụng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và đã thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo khai không có bàn bạc trao đổi cụ thể với nhau khi tiến hành thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Lê Văn **L** khai: Bị cáo **T** và **Đ** dùng gạch, dao đánh và đâm gây thương tích, không thể chống cự được và bị cướp tài sản là chiếc nhẫn 1 chỉ 5 phân vàng 24 kara; không yêu cầu xử lý về tội gây thương tích, yêu cầu được nhận lại tài sản đã bị chiếm đoạt; yêu cầu xử lý về tội cướp tài sản; quá trình điều trị thương tích, gia đình bị cáo **Đ** có thăm nom, chăm sóc hỗ trợ tiền điều trị, nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **Đ**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Nguyễn Thị TT khai: **T** có nhờ bán 1 chỉ 5 phân vàng 24 kara tại tiệm vàng Trương Liêm với số tiền 6.322.000đồng và đã đưa đủ số tiền này cho bị Cáo **T**; không biết việc **T** có vàng là do phạm tội mà có.

Bà Nguyễn Thị Phương PT: Bị cáo **T** có nhờ bà bán 1 chỉ 5 phân vàng 24 kara cho tiệm vàng Trương Liêm; bà TT không biết vàng của bị cáo **T** đưa bán dùm do phạm tội mà có.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Võ Thanh **T**, Trịnh Văn **Đ**, cùng khai nhận hành vi phạm tội; các bị cáo đã khai: Do nghiện, cần tiền mua ma túy sử dụng, **T**, **Đ** rủ nhau, **T** tìm dẫn dụ nam mua dâm, ra tín hiệu nháy mắt, **Đ** tự hiểu, tham gia. Khi thấy **L** có đeo nhẫn vàng, nằm trên băng ghế đá trong khu nhà biệt thự vườn khóm 8, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, **T** nháy mắt, **Đ** đồng ý và đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung vụ án;

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại Lê Văn **L** và lời khai những người làm chứng, liên quan; phù hợp các tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Từ đó, xác định bị cáo **T**, **Đ** đã có hành vi dùng gạch, dao làm phương tiện phạm tội nguy hiểm tấn công, gây

thương tích cho Lê L tỷ lệ 04%, làm bị hại L tê liệt phản kháng, lột lấy chiếm đoạt nhẫn 1 chỉ 5 phân vàng 24K, trị giá 6.322.500 đồng. Bị cáo T đã tái phạm chưa xóa án tích, tiếp tục phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, Cáo trạng số 03/VKS-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo T theo điểm d, h khoản 2 Điều 168; bị cáo Đ theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật;

Trong vụ án này, các bị cáo T, Đ là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ ý thức trách nhiệm hành vi, việc làm bản thân. Tuổi đời như các bị cáo, có biết bao người chăm lo tu tâm, dưỡng tính, lao động cực nhọc, nuôi sống bản thân, gia đình, chăm lo đóng góp cho xã hội. Nhưng các bị thì khác, không làm điều tốt đẹp, các bị cáo đi ngược lại lợi ích xã hội, để thỏa mãn nhu cầu thấp hèn giải quyết cơn nghiện, các bị cáo sẵn sàng dùng vũ lực chiếm đoạt tiền của bị hại, các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội là phải bị pháp luật trừng phạt, nhưng do tham lam, bất chấp pháp luật, cố ý và ngan nhiên phạm tội. Thành phố Châu Đốc là trung tâm du lịch của tỉnh, nơi tập trung nhiều người tham quan di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, nên cần phải có sự ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trật tự đô thị và văn minh thương mại. Hành vi của các bị cáo vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và địa phương về phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Châu Đốc đang nỗ lực xây dựng, phát triển. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tương xứng đối với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do các bị cáo gây ra, để đáp ứng yêu cầu giáo dục, răn đe, phòng ngừa;

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo (T, Đ) đều là người thực hành, nhưng cần phân hóa vai trò, trách nhiệm, để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, cụ thể:

Đối với bị cáo T: Trong vụ án này, bị cáo chủ động rủ rê, lôi kéo, xúi dục và cùng bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chiếm đoạt, quyết định tiêu thụ, hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt, bị cáo có vai trò chính, chủ mưu phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã định tái phạm, chưa xóa án tích, tiếp tục phạm tội cố ý, xác định tái phạm nguy hiểm; thời gian bị tạm giữ tạm giam, nhiều lần vi phạm nội quy, quy chế, quy định nơi giam giữ. Cán bộ quản lý Nhà tạm giữ nhiều lần lập biên bản vi phạm. Điều đó cho thấy, bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và quy định thấp, khả năng tự cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện kém. Căn cứ Điều 3 Bộ luật hình sự quy định “*Nguyên tắc xử lý*”, trường hợp của bị cáo T là phải nghiêm trị, cần phải có mức án nghiêm khắc để bị cáo trở thành người lương thiện, tái hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, bị cáo T thuộc thành phần lao động, học lực thấp, đã thành khẩn khai báo, nên đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là thỏa đáng, tương xứng phù hợp.

Đối với bị cáo Đ, đồng phạm trong vụ án, là người thực hành tích cực. Lẽ ra, phải đề nghị xử lý nghiêm khắc. Nhưng thấy rằng, bị cáo thực hiện bị động, bởi do bị cáo T sống chung vợ chồng xúi giục, thúc giục bị cáo thực hiện; bản

thân bị cáo **Đ** chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, có tính cơ hội; đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa, giao nộp xe mô tô biển số 67G1-530.31, đề cơ quan tiến hành xử lý, bảo đảm bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; tự nguyện bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ Điều 3 Bộ luật hình sự quy định “*Nguyên tắc xử lý*”, trường hợp của bị cáo **Đ** đáng được khoan hồng và hưởng chế định Điều 54 Bộ luật hình sự, quy định về hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, như vậy cũng đủ bảo đảm tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa, tạo điều kiện cho bị cáo tự nguyện cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm người lương thiện, giúp ích cho gia đình, xã hội.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 53, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Võ Thanh **T** từ 10(mười) đến 12 (mười hai) năm tù, về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam 29 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trịnh Văn **Đ** từ 04(bốn) đến 06(sáu) năm tù, về tội “*Cướp tài sản*”. Thời hạn tù, tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2019;

Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên trả cho bị hại Lê Văn **L** nhẫn kim loại màu vàng, ghi hiệu “Trương Liêm-9999”; Buộc bị cáo **T**, **Đ** có trách nhiệm liên đới trả cho người liên quan Trương Văn VL 6.322.000đồng. Tiếp tục tạm giữ xe mô tô, biển số 67G1-530.31, để bảo đảm thi hành án của các bị cáo **T**, **Đ**;

Xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không giá trị, không sử dụng được; Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án các tờ vé số không trúng thưởng, 03 đoạn Video clip, thu trích xuất từ Camera Tiệm vàng “Trương Liêm”.

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm; quy định nghĩa vụ, trách nhiệm thi hành án; quy định quyền kháng cáo của bị cáo, đương sự trong vụ án theo luật định;

Công khai giáo dục đối với Lê Văn **L**; Võ Thanh TT, Trương Văn VL, về các sai phạm liên quan vụ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tội phạm thực hiện thuộc khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, có hình phạt

đến 15 năm tù nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

[1.2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.3] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[1.4] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt. Xét, các bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của họ và những người vắng mặt này đã có lời khai trong quá trình điều tra nên sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung, tính chất mức độ hành vi phạm tội:

[2.1] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo **T**, **Đ** một lần nữa thú nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nhau về thời gian, địa điểm và diễn biến về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện; Lời khai nhận của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và nguồn chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an phường Châu Phú A lập ngày 27/12/2019; tiếp nhận tin báo từ bị hại Lê Văn **L**; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Bản ảnh hiện trường ngày 28/12/2019; Biên bản trích xuất hình ảnh từ camera của tiệm vàng Trương Liêm; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 390/19/TgT ngày 31/12/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang; Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐG ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự;

Từ đó, có căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 26/12/2019 bị cáo Võ Thanh **T** và bị cáo Trịnh Văn **Đ** nhìn thấy bị hại Lê Văn **L** tại khu vực khóm 8, phường Châu Phú A trên tay có đeo nhẫn vàng nên tìm cách chiếm đoạt. **T** hỏi bị hại có nhu cầu mua dâm không, **T** dẫn bị hại vào đoạn đường vắng. Bị cáo **Đ** ngồi trên xe mô tô biển số 67G1 – 530.31 đang dừng gần đó quan sát khi cần sẽ tham gia cùng **T**. Một lúc sau, **T** ra hiệu, bị cáo **Đ** điều khiển xe mô tô đến cầm dao, nắm cổ áo đe dọa kêu bị hại **L** tháo đưa chiếc nhẫn vàng đang đeo để trừ tiền mua dâm, nhưng bị hại không đồng ý. **Đ** cầm dao đâm trúng đùi trái, tay trái, cùng lúc **T** nhặt viên gạch lát ở vỉa hè đánh vào đầu bị hại gây thương tích theo kết luận giám định 4%, làm cho bị hại **L** tê liệt, không còn khả năng chống

cự, tháo lấy nhẫn vàng, bỏ đi. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội cướp tài sản.

Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; đều có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại và đã dùng vũ lực, phương tiện nguy hiểm gây thương tích là xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của người bị hại đã thể hiện mặt chủ, khách-thể của tội cướp tài sản; được thể hiện qua việc bị cáo **Đ** dùng dao Thái Lan đâm vào đùi, tay trái của bị hại. Bị cáo **T** dùng viên gạch đánh vào đầu bị hại **L**; hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản mà còn trực tiếp gây tổn hại đến sức khỏe của bị hại; nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ Luật Hình sự. Đối với bị cáo **T** đã có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản vào năm 2013, 2016 và 2018 tổng hình phạt đến 02(hai) năm (09) tháng tù, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ Luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 03/ CT-VKSCĐ ngày 08/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo **T**, bị cáo **Đ** ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Quyền sở hữu tài sản và quyền bất khả xâm về thân thể của cá nhân được pháp luật ghi nhận và bảo hộ bằng chế tài nghiêm khắc là hình phạt. Các bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra phải tìm một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân và gia đình. Thế nhưng, vì muốn có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, đã bất chấp pháp luật chiếm đoạt tài sản của người khác, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi mà từng bị cáo đã thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm tạo điều kiện để các bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.2] Về đồng phạm:

Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo đều là người thực hành, không có sự câu kết, phân công, bàn bạc, phân chia lợi ích trong việc thực hiện tội phạm, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đồng phạm, bị cáo **T** có vai trò chính, thể hiện ở việc sắp đặt kế hoạch, trực tiếp dẫn dụ bị hại, ra hiệu để cùng bị cáo **Đ** thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản, sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo **T** là người quyết định tiêu thụ, hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt, cùng mua ma túy sử dụng với **Đ**, bị cáo **T** còn có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, hơn nữa trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, bị cáo **T** nhiều lần bị cán bộ trại tạm giữ, tạm giam lập biên bản vi phạm nội quy cơ sở giam giữ, nên hình phạt được áp dụng đối với bị cáo **T** phải nặng hơn bị cáo **Đ** như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo; tỏ rõ ăn năn hối cải; đều thuộc thành phần lao động; hiểu biết pháp luật có phần hạnh chế; bị cáo **Đ** có thêm tình tiết giảm nhẹ là chưa tiền án, tiền sự; thực hiện bị động theo sự dẫn chỉ của bị cáo **T**, tự nguyện bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại, tự giao nguyện giao nộp tài sản để xử lý và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do, bị cáo **Đ** có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có xem xét áp dụng Điều 54 cho bị cáo khi lượng hình như quan điểm đề nghị của kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở.

[2.4] Về hình phạt bổ sung, xét thấy các bị cáo đều là thành phần nhân dân lao động, không nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu giữ vật chứng là một nhẫn bằng kim loại màu vàng, kiểu nhẫn tròn, bên trong có ký hiệu TRƯƠNG LIÊM 9999, ông VL xác định là nhẫn vàng 24kara 9999, trọng lượng 1,5 chỉ (theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 07/01/2020). Xét thấy đây là vật chứng trong vụ án được thu hồi. Bị hại Lê Văn **L** có yêu cầu được nhận lại tài sản đã bị chiếm đoạt. Xét thấy, việc yêu cầu của ông **L** là có cơ sở nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trương Văn VL có yêu cầu bồi thường số tiền 6.322.000đồng tương đương 1chỉ 5 phân vàng 24 kara, mà ông đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử, xét thấy rằng yêu cầu của ông VL là chính đáng, phù hợp. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận số tiền chiếm đoạt đã mua ma túy cùng sử dụng và cùng nhận trách nhiệm trả lại số tiền 6.322.000đồng. Do đó, buộc bị cáo **T**, bị cáo **Đ** cùng liên đới trách nhiệm trả cho ông Trương Văn VL số tiền 6.322.000đồng.

[2.6] Về xử lý vật chứng:

- 06 tờ vé số kiến thiết tỉnh Vĩnh Long, số 710135, 880135, 656856, 807498, 324244, 710480; 01 tờ vé số kiến thiết tỉnh Trà Vinh số 399928 mở thưởng cùng ngày 27/12/2019, không có giá trị xét tịch thu lưu hồ sơ vụ án;

- Tiền Việt Nam 10.000 đồng, đây là tiền của bị hại **L** liên quan đến việc mua dâm. Xét, sung quỹ Nhà nước;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, biển kiểm soát 67G1 – 530.31, số máy JA36E – 0618299; số khung RLHJA 3656GY122444, màu đen vàng đồng, đã qua sử dụng. Xét thấy, trong thời gian chuẩn bị thực hiện tội phạm, bị cáo **Đ** chở **T** bằng phương tiện này để đi mua ma túy sử dụng, thời gian chở nhau, không có bàn cách thức, phương thức thực hiện hành vi phạm tội như thế nào, khi đi được một quãng đường dài các bị cáo mới phát hiện bị hại có tài sản, mới nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên chưa đủ cơ sở bị cáo dùng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, các bị cáo bị buộc liên đới trách nhiệm bồi thường dân sự.

Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án cho ông Trương Văn VL.

- 01 con dao Thái Lan dài 21 cm, có cán bằng nhựa màu vàng dài 9,8 cm, trên cán gần lưỡi dao có vết cháy xém; lưỡi dao dài 11,2cm x rộng 1,2cm, sắc một cạnh, mũi dao nhọn đã qua sử dụng; 01 bóp da màu đen đã qua sử dụng; 01 mảnh gạch loại gạch lót vỉa hè, màu vàng, kích thước 13cm x 03cm x 04 cm; 01 quần thun màu xanh đen, mặt trước bên trái có 02 vết rách cách nhau 2,5 cm: vết thứ nhất dài 1,5cm, cách mép lưng quần 30cm; vết thứ hai dài 1,5cm cách lưng quần 33cm; Các tài sản, đồ vật này không giá trị sử dụng. Xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 hộp niêm phong có dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, chữ ký tên của Điều tra viên Huỳnh Thanh Phong và ông Trương Văn VL, chủ tiệm vàng Trương Liêm (ông Trương Văn VL, xác định bên trong có 01 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 1 chỉ 5 phân vàng 24 kara), đây là tài sản của bị hại bị chiếm đoạt, xét trả lại cho bị hại Lê Văn L.

[2.7] Vấn đề khác:

Trường hợp Võ Thanh T, Trịnh Văn Đ dùng dao, gạch tấn công gây thương tích cho Lê Văn L là để chiếm đoạt tài sản và bị hại L không yêu cầu nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích. T, L có hành vi mại dâm nhưng chưa thực hiện, không bị bắt quả tang nên không có căn cứ xử lý, nhưng cũng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Đối với Võ Thanh TT, Trương Văn VL mua bán nhẫn vàng không biết do các bị cáo T, Đ phạm tội mà có, tuy không xử lý. Xét thấy cũng cần giáo dục công khai tại phiên tòa như quan điểm đề nghị của Kiểm sát Viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[3] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các bị cáo cùng nhận trách nhiệm bồi thường, thuộc thành phần lao động, chưa có nghề nghiệp, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo T, Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 53, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Võ Thanh T phạm tội “*Cướp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thanh T 12(mười hai) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo **T** được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày: 29/12/2019 (hai mươi chín, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 53, Điều 17 Điều 38; Điều 58 và Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Trịnh Văn **Đ** phạm tội “*Cướp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn **Đ** 05(năm) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo **Đ** được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày: 30/12/2019 (ba mươi, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm mười chín).

Căn cứ các Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Võ Thanh **T**, Trịnh Văn **Đ** liên đới trách nhiệm bồi thường cho ông Trương Văn VL số tiền 6.322.500 đồng (sáu triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- 06 tờ vé số kiến thiết tỉnh Vĩnh Long, số 710135, 880135, 656856, 807498, 324244, 710480; 01 tờ vé số kiến thiết tỉnh Trà Vinh số 399928 mở thưởng cùng ngày 27/12/2019, không có giá trị xét tịch thu lưu hồ sơ vụ án;

- Tiếp tục lưu hồ sơ USB (có nội dung: trích xuất từ Camera tiêm vàng Trương Liêm);

- 01 con dao Thái Lan dài 21 cm, có cán bằng nhựa màu vàng dài 9,8 cm, trên cán gần lưỡi dao có vết cháy xém; lưỡi dao dài 11,2cm x rộng 1,2cm, sắc một cạnh, mũi dao nhọn đã qua sử dụng; 01 bóp da màu đen đã qua sử dụng, không giá trị sử dụng; 01 mảnh gạch loại gạch lót vỉa hè, màu vàng, kích thước 13cm x 03cm x 04 cm; 01 quần thun màu xanh đen, mặt trước bên trái có 02 vết rách cách nhau 2,5 cm: vết thứ nhất dài 1,5cm, cách mép lưng quần 30cm; vết thứ hai dài 1,5cm cách lưng quần 33cm; Các tài sản, đồ vật này không giá trị sử dụng. Xét tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam 10.000 đồng. Xét, sung quỹ Nhà nước;

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, biển kiểm soát 67G1 – 530.31, số máy JA36E – 0618299; số khung RLHJA 3656GY122444, màu đen vàng đồng, đã qua sử dụng để bảo đảm thi hành án cho ông Trương Văn VL.

- Giao trả lại cho bị hại Lê Văn **L** 01(một) hộp niêm phong có dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, chữ ký tên của

Điều tra viên Huỳnh Thanh Phong và ông Trương Văn VL, chủ tiệm vàng Trương Liêm (phù hợp với biên bản niêm phong ngày 07/01/2020).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Võ Thanh **T**, Trịnh Văn **Đ**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo **T**, bị cáo **Đ**.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Đức